

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2025/HC-PT
Ngày 31 tháng 10 năm 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Lợi
Bà Nguyễn Phương Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 45/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4167/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1939; địa chỉ: Xóm B xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: Xóm B X (X), huyện X, tỉnh Nam Định).

1.2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm A xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: Xóm A X (X), huyện X, tỉnh Nam Định).

1.3. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm A xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: Xóm A X (X), huyện X, tỉnh Nam Định).

1.4. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm I xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: Xóm I X (X), huyện X, tỉnh Nam Định).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn T: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số H thôn Đ, xã P (trước đây là: xã N, huyện Đ), thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh N.

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Văn phòng Đ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh N.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định.

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Nam Định.

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xã X, tỉnh Ninh Bình.

3.3. Ủy ban nhân dân xã X (X), huyện X, tỉnh Nam Định;

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Ninh Bình.

3.4 - 3.7. Bà Đinh Thị H, ông Bùi Văn T2, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn S; cùng địa chỉ: thôn B, xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định).

3.8 - 3.11. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Đức V: Bà Nguyễn Thị L, chị Bùi Thị V1, chị Bùi Thị O, anh Bùi Văn H1; cùng địa chỉ: Số H Khu T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là: Số H Khu T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương).

3.12 - 3.15. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Đức H2: Bà Mai Thị H3, anh Bùi Công H4, anh Bùi Đức N1, chị Bùi Thị Q; cùng địa chỉ: thôn B, xã X, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định).

4. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B (là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Bùi Văn T, ông Nguyễn Văn T1 có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện gồm bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B trình bày:

Bố mẹ các ông bà là cụ Bùi Văn H5 (chết năm 1970) và cụ Mai Thị M (chết năm 2010) sinh được 7 người con gồm: Bùi Viết S1 (chết năm 2010), Bùi Thị R, Bùi Viết Q1, Bùi Thị N, Bùi Viết H6, Bùi Văn T, Bùi Thị B.

Bố mẹ các ông bà có diện tích đất ao là 334m², thuộc thửa số 260 tờ bản đồ số 2 mang tên Bùi Văn H5, địa chỉ tại: Xóm A, X, X, Nam Định. Năm 1998, ông Bùi Văn V2 đã tự ý làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất mang tên Bùi Văn V2, mặc dù không được sự đồng ý của các ông bà và các ông bà không ai được biết.

Ngày 30/10/2023, các ông bà nhận được Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đ (VPĐKĐĐ) tỉnh Nam Định, do Phó Giám đốc Đặng Đình H7 ký có nội dung hủy GCNQSD đất số M380781 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X cấp ngày 19/02/1998 mang tên hộ ông Bùi Văn V2. Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 gây ảnh hưởng rất lớn tới quyền, lợi ích hợp pháp cũng như gây thiệt hại về kinh tế, danh dự của các ông bà.

Vì vậy, các ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của VPĐKĐĐ tỉnh N để trả lại cho các ông bà diện tích 334m² đất thuộc thửa số 260, tờ bản đồ số 2 mang tên Bùi Văn H5 tại địa chỉ: Xóm A, X, X, Nam Định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Văn T bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 mang tên ông Bùi Văn V2.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N trình bày:

Ngày 19/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 34/2020/QĐST-DS có nội dung:

“Ông Bùi Đức V (tên gọi khác Bùi Văn V2), bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng 307m² đất ao thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 260 tại xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Ông V2, bà L được sở hữu tài sản trên đất ao này mà không phải thanh toán giá trị cho ông T, bà T3 (cụ thể trên đất ao này hiện đã san lấp, đổ đất, trên đất có 01 số cây đình lăng, 01 cây vối, 01 cây hoa ngọc lan, 01 nhà bếp lợp proximang, 01 chuồng gà nhỏ, xung quanh thửa đất có quây lưới B40).

Ông Bùi Văn T nhận trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Bùi Văn V2 (hiện ông T đang giữ) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

Ngày 01/3/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ra Quyết định số 13/QĐ-CCCTHADS về việc thi hành án theo yêu cầu cho thi hành án đối với ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3, địa chỉ xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ngày 18/3/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ra Quyết định số 02/QĐ-CCCTHADS về việc sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án.

Ngày 06/4/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ra Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, trong đó có nội dung: *“Cưỡng chế thi hành án đối với ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3, địa chỉ xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Buộc ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3 có trách nhiệm bàn giao cho ông Bùi Đức V (tên gọi khác là Bùi Văn V2), bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 307m² đất*

ao, thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 260 tại xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Ông V2, bà L được sở hữu tài sản trên đất ao này mà không phải thanh toán giá trị cho ông T, bà T3”.

Ngày 28/4/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường phối hợp với Phòng T5, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X, phòng Tài chính kế hoạch huyện X, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, chính quyền địa phương và các đương sự lập Biên bản về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, trong đó có nội dung: “*Kể từ ngày nhận được bàn giao ông Bùi Đức V (tên gọi khác Bùi Văn V2), bà Nguyễn Thị L có toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất được bàn giao và tài sản trên đất được bàn giao, làm nghĩa vụ thuế với nhà nước, liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*”.

Tuy nhiên, ông Bùi Văn T và bà Trịnh Thị T3 không tự nguyện bàn giao GCNQSD đất số M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 cho hộ ông Bùi Văn V2 (Bùi Đức V), bà Nguyễn Thị L thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 34/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020 của Tòa án. Do đó, ông Bùi Đức V đã có đơn đề nghị về việc ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3 vẫn đang giữ bản gốc GCNQSD đất số phát hành M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 mang tên hộ ông Bùi Văn V2.

Ngày 11/11/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X có Văn bản số 38/CV-CNVPĐK thông báo cho ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3 giao nộp lại GCNQSD đất số phát hành M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998; đồng thời, phối hợp với UBND xã X, đại diện cơ sở xóm 1 tiến hành bàn giao Công văn số 38/CV-CNVPĐK nêu trên tại gia đình ông Bùi Văn T, ông T có ký xác nhận không nhận công văn.

Ngày 15/11/2022, UBND xã X có Thông báo số 16/TB-UBND của Đài phát thanh xã X về việc niêm yết công khai Công văn số 38/CV- CNVPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X; Biên bản niêm yết công khai Công văn số 38/CV-CNVPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X tại trụ sở UBND xã X và Nhà văn hóa xóm A, xã X.

Ngày 30/11/2022, UBND xã X phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X lập biên bản kết thúc công khai Công văn số 38/CV- CNVPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X, kết quả không nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào.

Ngày 31/7/2023, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X có Báo cáo số 104/BC-CNVPĐK về việc hủy GCNQSD đất số phát hành M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 cho hộ ông Bùi Văn V2, bà Nguyễn Thị L sử dụng đất tại xã X, huyện X.

Ngày 20/10/2023, Văn phòng Đ có Quyết định số 816/QĐ- VPĐK về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998.

Như vậy, căn cứ Luật Đất đai năm 2013, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 34/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 13/QĐ-CTHADS ngày 01/3/2021; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 18/3/2022; Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS ngày 06/6/2022 về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; Biên bản về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 28/4/2022; Công văn số 38/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X; Biên bản giao nhận Công văn ngày 15/11/2022; đề nghị của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X tại Báo cáo số 104/BC-CNVPĐK về việc hủy GCNQSD đất số phát hành M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 cho hộ ông Bùi Văn V2, bà Nguyễn Thị L sử dụng đất tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định: ngày 20/10/2023, Văn phòng Đ có Quyết định số 816/QĐ-VPĐK về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 là đúng quy định.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tại Báo cáo số 275/BC-UBND, UBND huyện X báo cáo làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất cũng như việc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Bùi Văn V2, cụ thể như sau:

Nguồn gốc diện tích đất tại thửa số 235 và 260 trước đây là của cụ H8 (ông nội ông V2) để lại cho ông V2 được thể hiện trên hồ sơ địa chính xã X lập năm 1997. Tháng 9/1997, ông Bùi Văn V2 và bà Nguyễn Thị L có đơn đăng ký quyền sử dụng đất, UBND xã X xác nhận ngày 16/10/1997. UBND xã X đã hành xem xét, lập hồ sơ và đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất cho hộ ông Bùi Văn V2 với tổng diện tích là 1.593m² đất (trong đó có: 200m² đất ở tại thửa đất số 235, tờ bản đồ số 02; 334m² đất ao tại thửa đất số 260 tờ bản đồ số 02 và 1.059m² đất trồng lúa + chuyên mạ).

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã X, ngày 19/02/1998 UBND huyện X đã có Quyết định số 459/QĐ-UB “về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2.313 hộ dân sử dụng đất tại xã X”, trong đó có GCNQSD đất của hộ ông Bùi Văn V2. Từ khi gia đình hộ ông Bùi Văn V2, bà Nguyễn Thị L sử dụng đất và sau này được cấp GCNQSD đất gia đình vẫn sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp cho đến khi bà R, bà N, bà B và ông T có ý kiến.

Quan điểm của UBND huyện X: Việc kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất cho hộ ông Bùi Văn V2 theo đơn kê khai với tổng diện tích nêu trên là theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 cũng như hồ sơ địa chính của xã X thực hiện theo đúng trình tự quy định tại thời điểm cấp GCNQSD đất năm 1998. Việc các hộ gia đình đang sử dụng đất có tranh chấp từ trước đến nay không có đơn yêu cầu gửi UBND huyện. Vì vậy, UBND huyện X đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc

theo quy định của pháp luật.

3.2. *Người đại diện hợp pháp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X trình bày:* Giữ nguyên quan điểm tại Báo cáo số 104/BC-CNVPĐK ngày 31/7/2023 và Công văn số 38/CV-CNVPĐK ngày 11/11/2022 như đã nêu ở phần trình bày của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N.

3.3. *Bà Nguyễn Thị L, chị Bùi Thị V1, chị Bùi Thị O, anh Bùi Đức H9 trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Bùi Đức V (tên gọi khác là Bùi Văn V2) là do cụ Bùi Văn H5 và cụ Mai Thị M1 tặng cho cụ Bùi Đức T4 (cụ S1); cụ T4 đã tặng cho ông V2 và bà L. Quá trình sử dụng, ông V2 và bà L đã được cấp GCNQSD đất đối với phần đất theo Quyết định số 34/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; hiện tại đất trống không có người trông coi. Ông Bùi Đức V (tên gọi khác là Bùi Văn V2) mất ngày 26/5/2023 không để lại di chúc đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 02 tại xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nay bà L và chị V1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.4. *Bà Đinh Thị H, ông Bùi Văn T2, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn S có quan điểm:* Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

3.5. *Ủy ban nhân dân xã X có quan điểm:* Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B về việc: Hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. *Kháng cáo:* Ngày 03/7/2025, người khởi kiện gồm bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

6. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

6.1. Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị B vắng mặt; ông Bùi Văn T và người đại diện hợp pháp của ông T giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác đã được triệu

tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số đương sự là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá nội dung, các tình tiết của vụ án và nội dung kháng cáo, Kiểm sát viên kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B là có căn cứ pháp luật. Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N “Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998” để trả lại cho các ông, bà diện tích 334m² đất, thuộc thửa số 260, tờ bản đồ số 2 mang tên Bùi Văn H5. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 19/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 34/2020/QĐST-DS (sau đây viết tắt là: Quyết định số 34/2020/QĐST-DS của TAND huyện Xuân Trường) có nội dung:

“Ông Bùi Đức V (tên gọi khác Bùi Văn V2), bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng 307m² đất ao thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 260 tại xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định...

Ông Bùi Văn T nhận trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Bùi Văn V2 (hiện ông T đang giữ) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

[2] Xét việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy:

[2.1] Tại Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

“1. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

2. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội.”.

[2.2] Hồ sơ vụ án thể hiện thực tế ông T, bà R, bà N, bà B đã có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 34/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020 của TAND huyện Xuân Trường và đã được Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Thông báo số 600/TB-VKS-DS ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Văn bản ngày 05/4/2022 với cùng nội dung không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định trên.

[2.3] Căn cứ vào quy định của Luật Thi hành án dân sự, ngày 01/3/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 13/QĐ-CCCTHADS về việc cho thi hành án đối với ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3 phải thi hành án theo nội dung Quyết định số 34/2020/QĐST-DS của TAND huyện Xuân Trường. Tuy nhiên sau đó phía người phải thi hành án không tự nguyện chấp hành Quyết định thi hành án nên ngày 06/4/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ra Quyết định số 09/QĐ-CCCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 28/4/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường phối hợp với Phòng T5, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X, phòng Tài chính kế hoạch huyện X, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, chính quyền địa phương và các đương sự lập Biên bản về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

[2.4] Quá trình thi hành án, do ông Bùi Văn T và bà Trịnh Thị T3 không tự nguyện bàn giao GCNQSD đất số M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 theo nội dung Quyết định số 34/2020/QĐST-DS của TAND huyện Xuân Trường. Theo đơn đề nghị của ông Bùi Đức V về việc ông Bùi Văn T và bà Trịnh Thị T3 vẫn đang giữ bản gốc GCNQSD đất nêu trên, ngày 11/11/2022 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X ban hành Công văn số 38/CV-CNVPĐK với nội dung yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Trịnh Thị T3 giao nộp lại GCNQSD đất số M 380781 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998 vào trước ngày 30/11/2022; nếu ông bà không giao nộp thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X sẽ báo cáo và trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy GCNQSD đất này và cấp đổi GCNQSD đất cho ông Bùi Đức V, bà Nguyễn Thị L theo quy định. Công văn số 38/CV-CNVPĐK đã được Chi nhánh Văn phòng

Đăng ký đất đai huyện X phối hợp với UBND xã X, đại diện cơ sở xóm 1 tiến hành bàn giao cho ông Bùi Văn T tại gia đình vào ngày 15/11/2022, ông Bùi Văn T đã ký xác nhận “Tôi không nhận công văn” vào Biên bản giao nhận công văn này. Do ông T không nhận Công văn nên cùng ngày 15/11/2022 UBND xã X đã thực hiện việc niêm yết công khai Công văn này tại trụ sở UBND xã X và Nhà văn hóa xóm A xã X; đồng thời thực hiện việc phát thanh trên Đài phát thanh xã X về việc niêm yết công khai Công văn số 38/CV-CNVPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X.

[2.5] Sau thời gian kết thúc thực hiện việc niêm yết, thông báo trên đài phát thanh, ông Bùi Văn T vẫn không giao nộp GCNQSD đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 104/BC-CNVPĐK ngày 31/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện X, ngày 20/10/2023 Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N ban hành Quyết định số 816/QĐ-VPĐK “Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998”.

[2.6] Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện những tình tiết, sự kiện của vụ việc nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định: Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N “Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số M 380781 mang tên hộ ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998” được ban hành hợp pháp; đúng trình tự, thủ tục và nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 105, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 87 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 mục 5 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ. Từ đó, đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B về việc hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.7] Đối với những yêu cầu khác:

(1) Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ngoài nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N thì người khởi kiện còn yêu cầu trả lại diện tích 334m² đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 2 mang tên Bùi Văn H5. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là yêu cầu tranh chấp dân sự, không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án hành chính nên không xem xét và hướng dẫn cho đương sự có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền là đúng.

(2) Đối với yêu cầu của ông Bùi Văn T bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm về việc hủy GCNQSD đất mang tên ông Bùi Văn V2 do UBND huyện X cấp ngày 19/02/1998: Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định GCNQSD đất mang tên ông Bùi Văn V2 nêu trên đã được hủy bỏ tại Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N nên không xem xét, giải quyết là đúng pháp luật.

[3] Tổng hợp những nội dung phân tích ở trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập, xem xét và đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, lời trình bày của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự. Từ đó, đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B về việc hủy Quyết định số 816/QĐ-VPĐK ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N; đồng thời xem xét đầy đủ những nội dung yêu cầu khác của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng những nội dung các ông bà trình bày tại “Đơn kháng cáo” đề ngày 19/8/2025 gửi Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội hầu hết là phản ánh về việc không đồng tình với kết quả giải quyết vụ án tranh chấp dân sự trước đây mà không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hành chính này (trường hợp các ông, bà có tài liệu, chứng cứ mới thì các ông, bà có quyền làm đơn yêu cầu xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với các bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật); ngoài ra, người kháng cáo không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới hoặc đưa ra căn cứ pháp luật của việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các ông bà.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 10 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về hành chính TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền